



wú rén

无人

noun phrase · no one; nobody

Example Sentences

shēn yè de jiē dào shàng wú rén xíng zǒu
深夜的街道上无人行走。

No one walks on the streets late at night.

zhè gè mì mì wú rén zhī xiǎo
这个秘密无人知晓。

This secret is known to no one.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无													
人	人	人	人	人															